CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	19,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,550
SL cổ phiếu LH	162,528,081
KLGD BQ 20 phiên (CP)	703,305
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,202
P/E	12.9
EPS	1,522

	YTD	1T	3T	6T
AGG	27.5%	-2.2%	19.4%	19.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

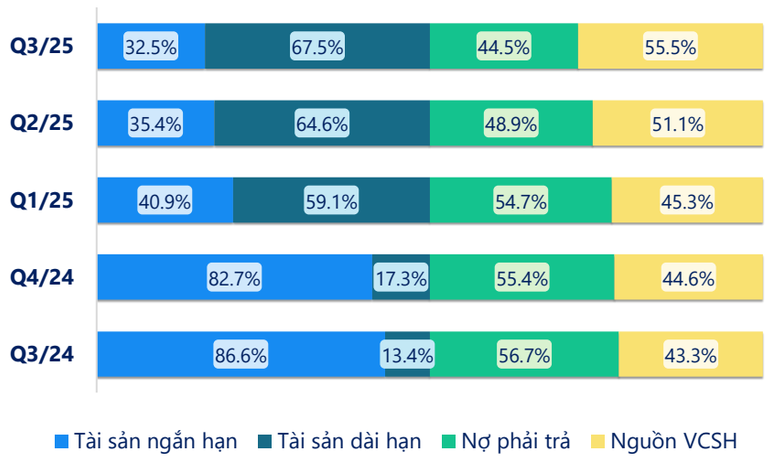

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

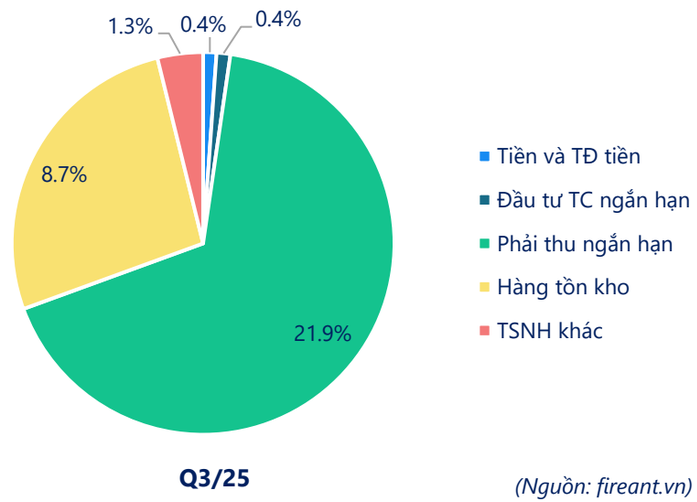

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

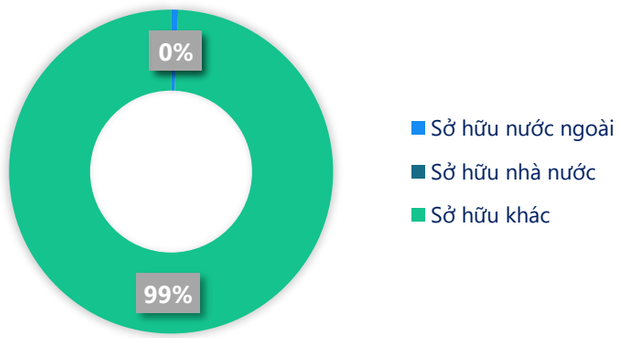

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

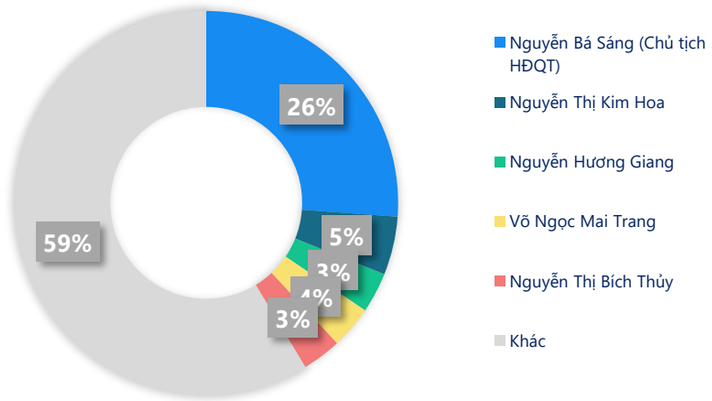

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

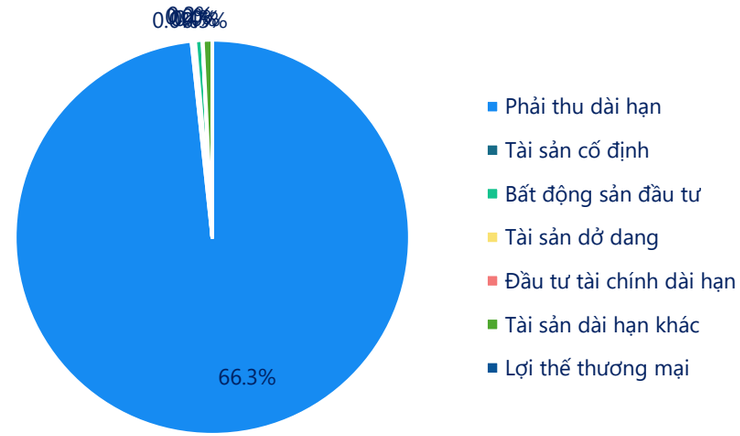

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

Tiền và tương đương tiền

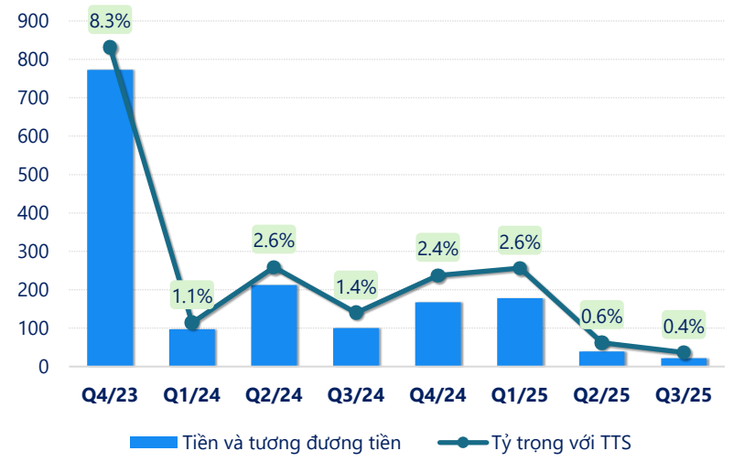

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

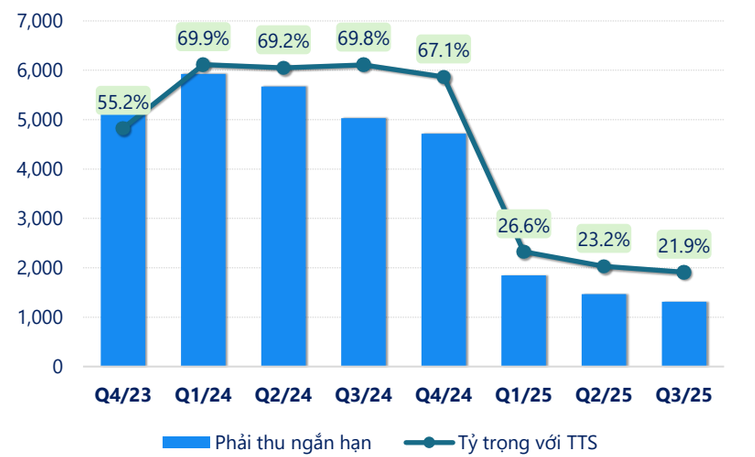

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

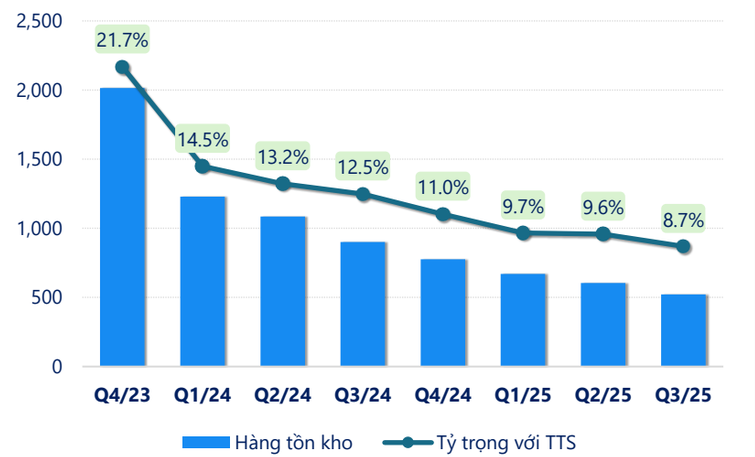

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

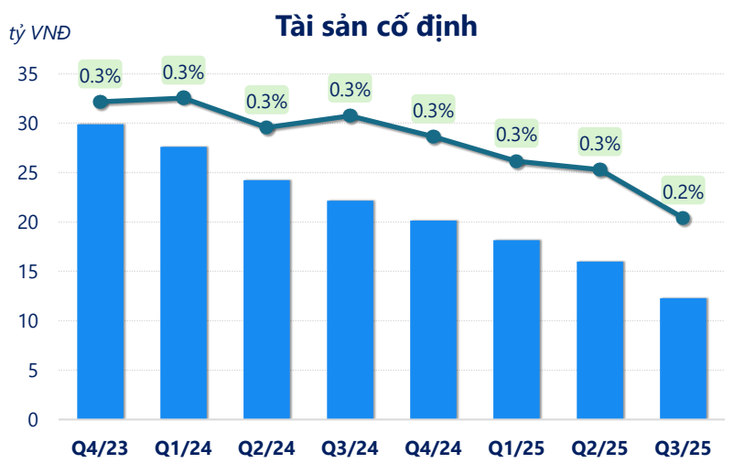

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

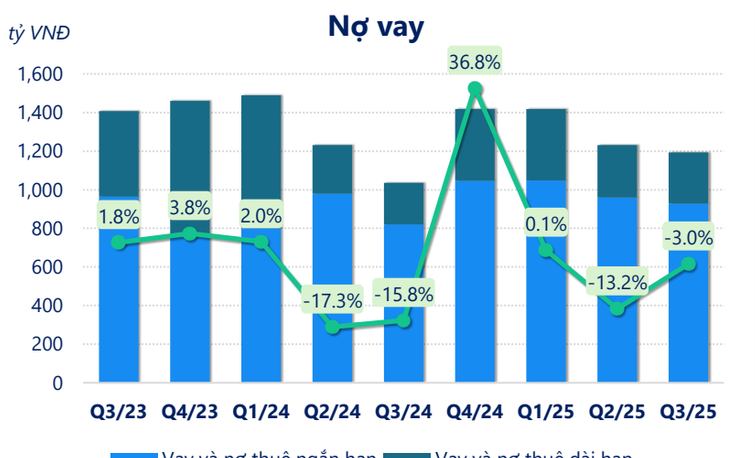

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

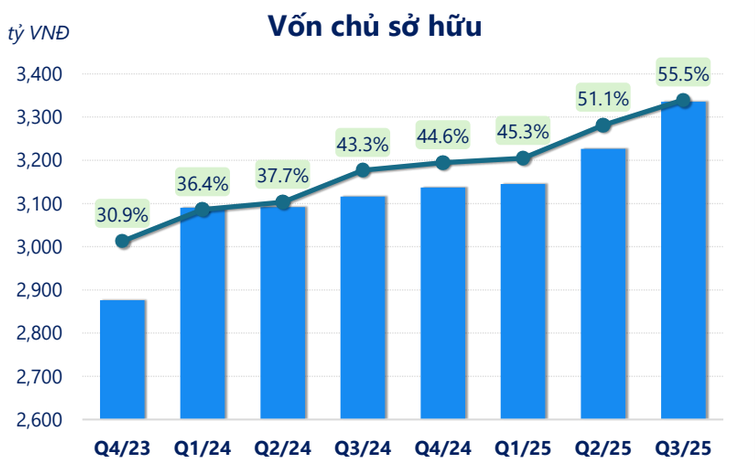

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

Kết quả kinh doanh

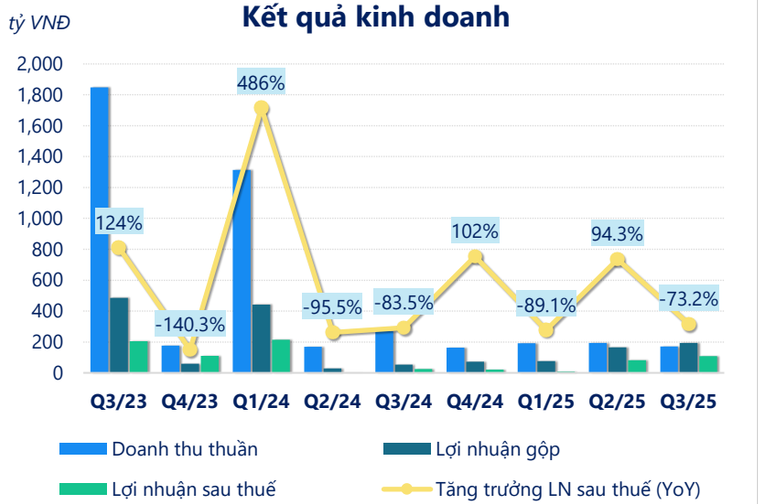

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

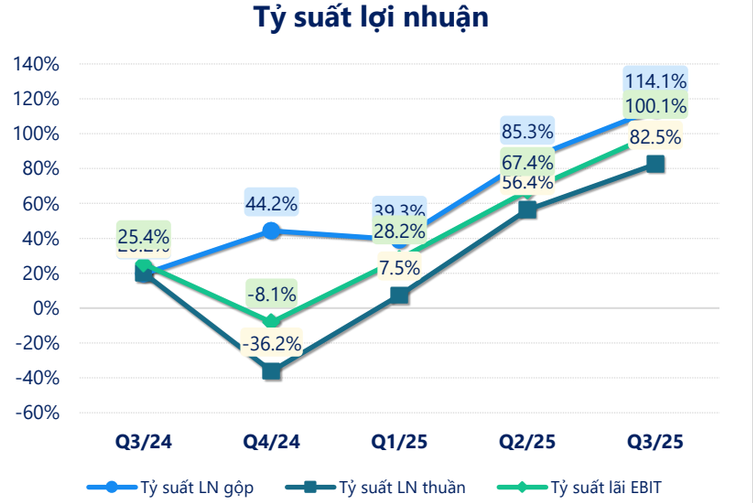

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

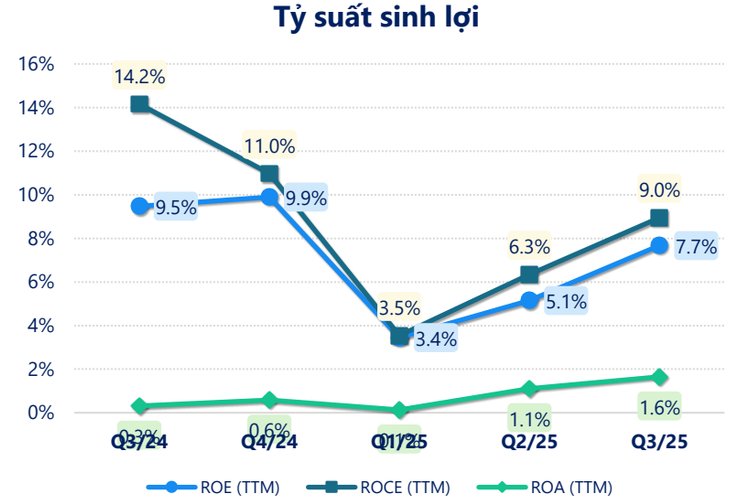

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

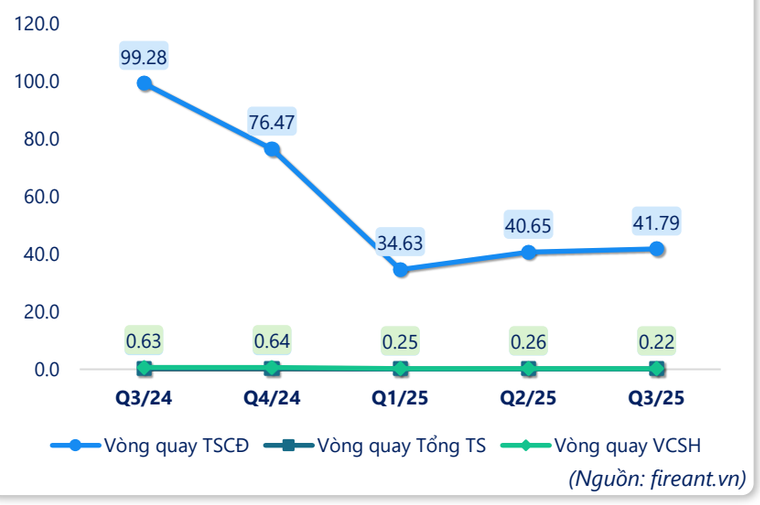

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

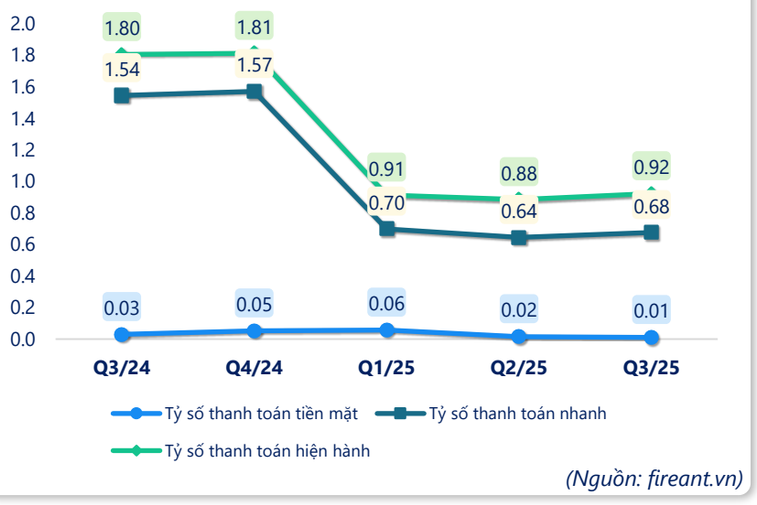

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

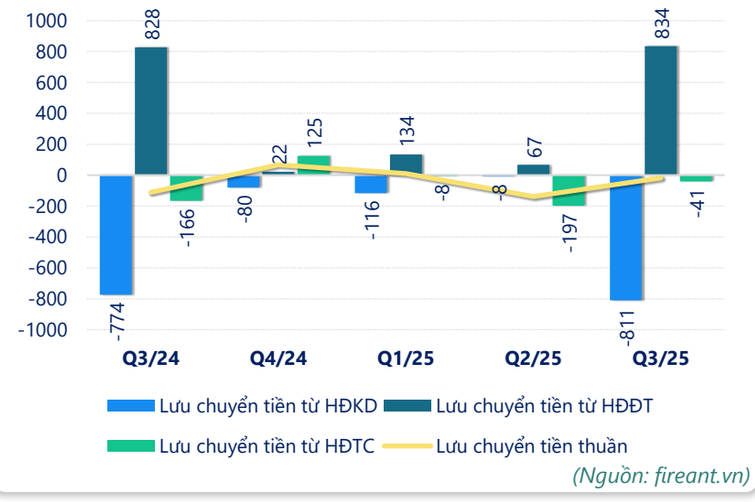

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,012**	**7,035**	**-14.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,957	5,819	-66.4%
Tiền và tương đương tiền	22.0	167	-86.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.8	30.1	-24.2%
Phải thu ngắn hạn	1,314	4,717	-72.2%
Hàng tồn kho	523	776	-32.6%
Tài sản ngắn hạn khác	75.3	128	-41.3%
Tài sản dài hạn	**4,055**	**1,216**	**233%**
Phải thu dài hạn	3,987	1,087	267%
Tài sản cố định	12.3	20.2	-39.1%
Bất động sản đầu tư	24.0	31.8	-24.7%
Tài sản dở dang	1.19	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**31.1**	**77.6**	**-59.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,676	3,898	-31.4%
Nợ ngắn hạn	**2,122**	**3,211**	**-33.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	928	1,046	-11.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	97.6	286	-65.9%
Nợ dài hạn	554	688	-19.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	265	371	-28.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,336**	**3,137**	**6.3%**
Vốn chủ sở hữu	**3,336**	**3,137**	**6.3%**
Vốn điều lệ	1,625	1,625	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	268	163	192	194	170
Giá vốn hàng bán	216	91.0	116	28.5	-24.0
Lợi nhuận gộp	52.5	72.2	75.4	165	194
Doanh thu HĐTC	116	72.6	32.2	29.3	21.2
Chi phí TC	40.1	159	46.8	40.1	34.3
Chi phí lãi vay	25.5	38.4	34.4	25.4	27.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	47.6	29.9	27.9	26.5	25.7
Chi phí QLDN	26.2	15.2	18.6	18.7	15.1
LN thuần từ HĐKD	54.2	-59.0	14.3	109	141
Lợi nhuận khác	-11.7	7.40	5.33	-4.17	2.07
LN trước thuế	42.6	-51.6	19.6	105	143
Lợi nhuận sau thuế	24.2	21.1	8.07	82.3	109
LNST của CĐ cty mẹ	24.3	47.5	10.3	80.6	109

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-774	-80.1	-116	-7.73	-811
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	828	22.0	134	66.6	834
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-166	125	-7.61	-197	-40.9
Tiền đầu kỳ	212	100	167	178	39.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-112**	**66.8**	**10.5**	**-138**	**-17.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	100	167	178	39.4	22.0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic